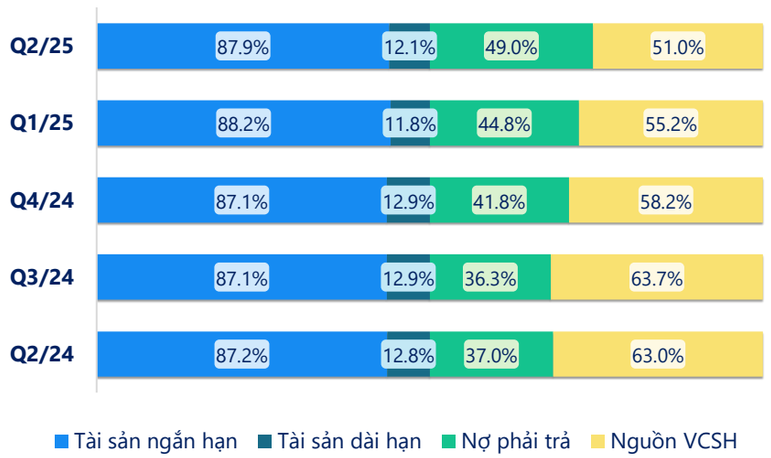
FireAnt

CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,130
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,710
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,860
SL cổ phiếu LH	215,249,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,325,770
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,319
P/E	38.3
EPS	160

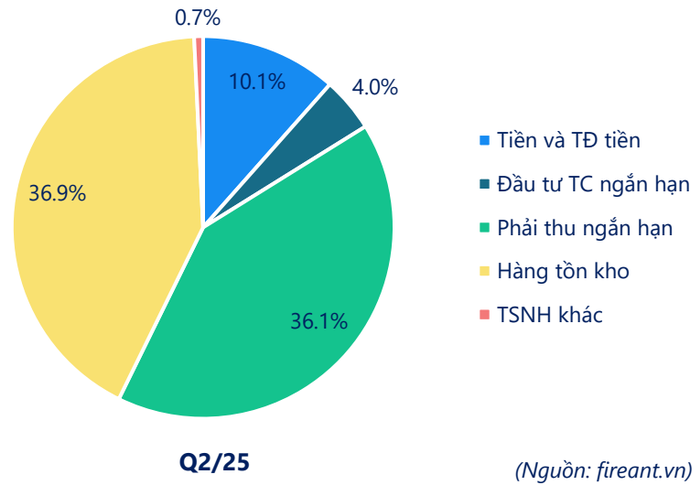
	YTD	1T	3T	6T
EVG	-1.6%	-4.1%	-3.8%	-3.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



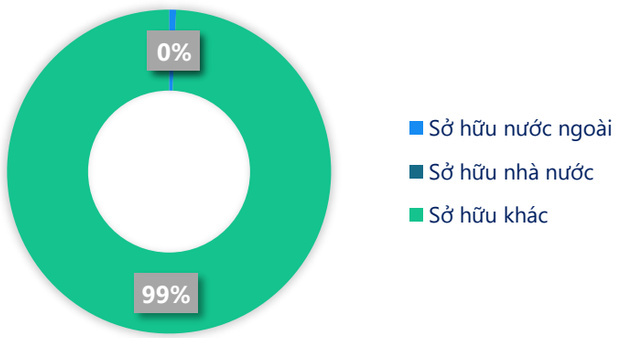
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



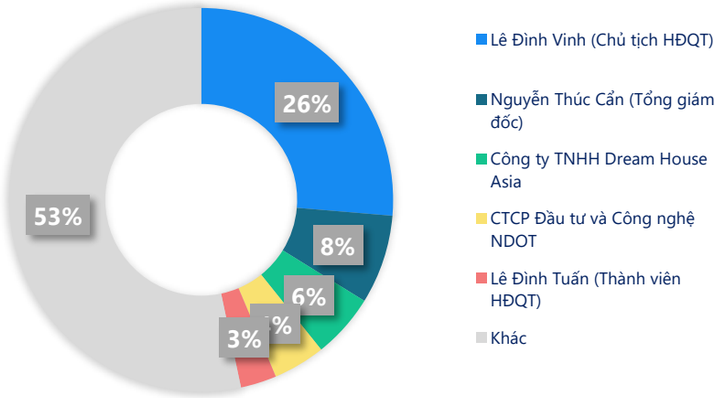
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



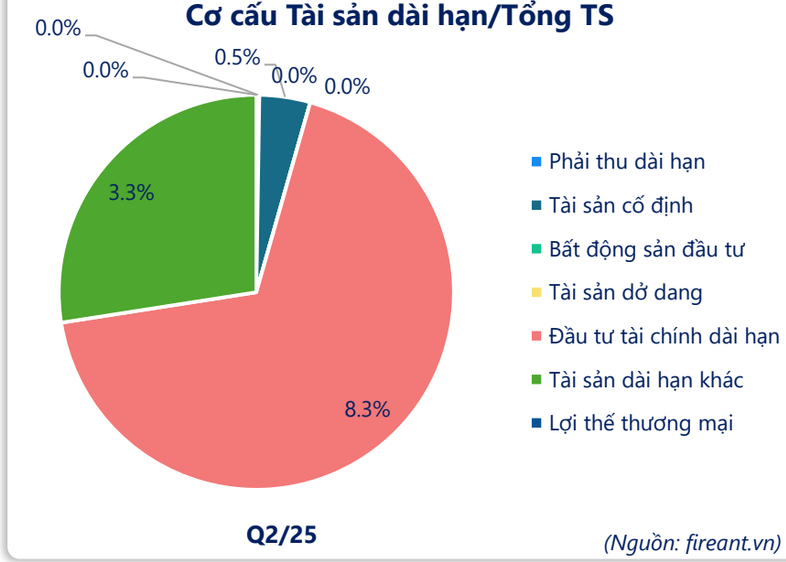
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

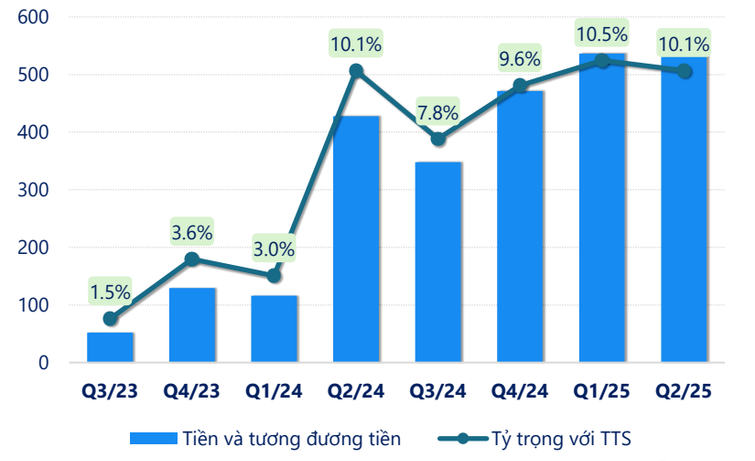


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

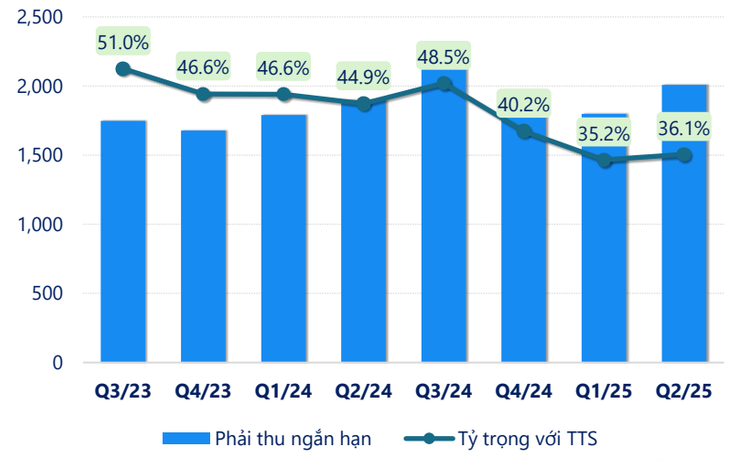
CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)

Tiền và tương đương tiền



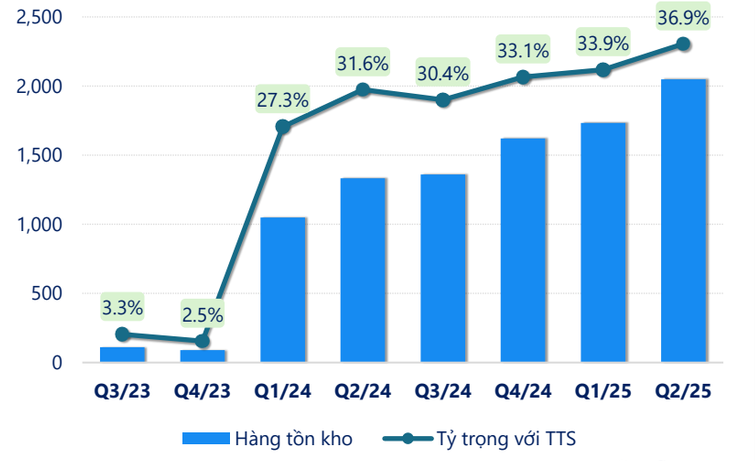
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



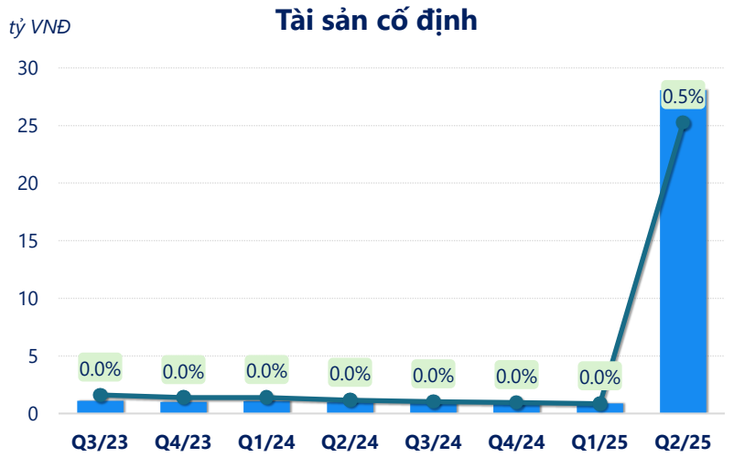
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



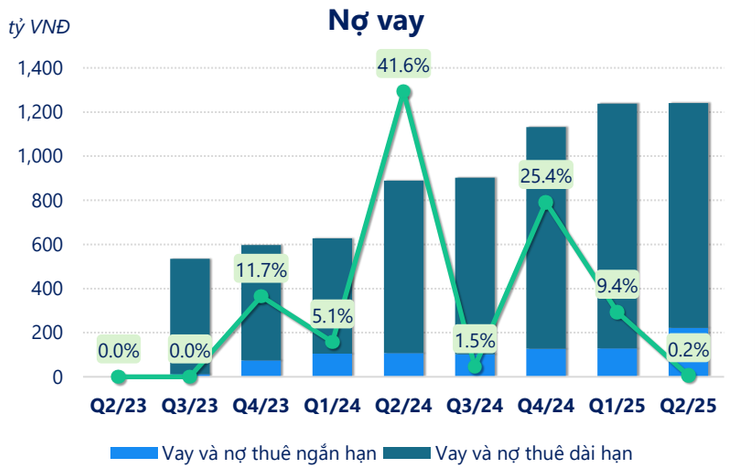
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



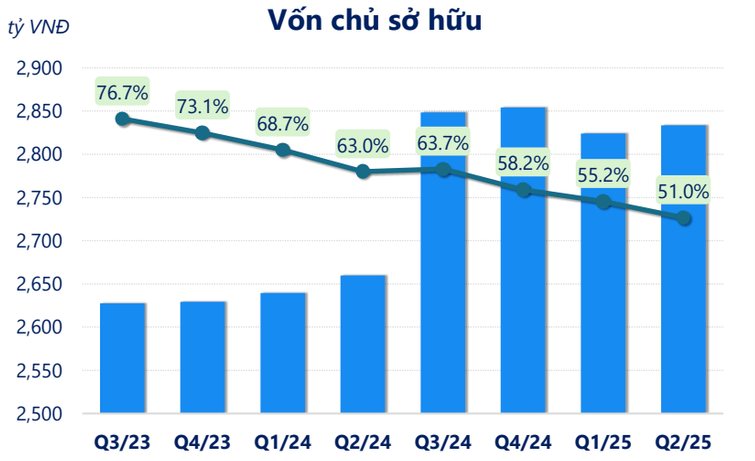
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



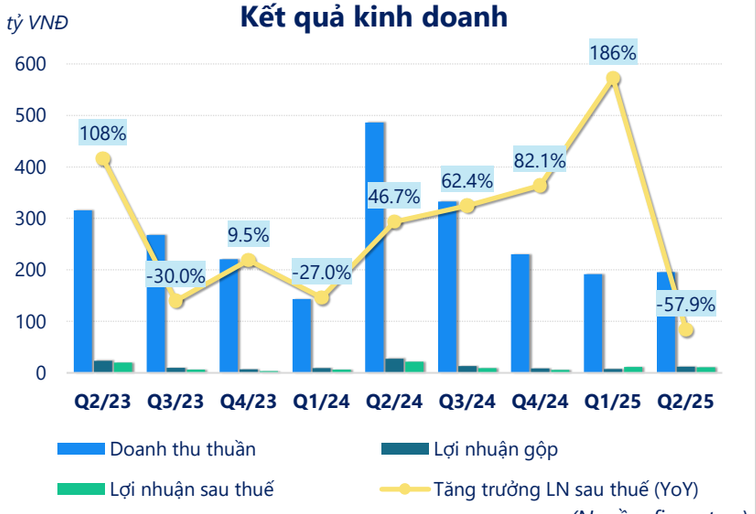
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

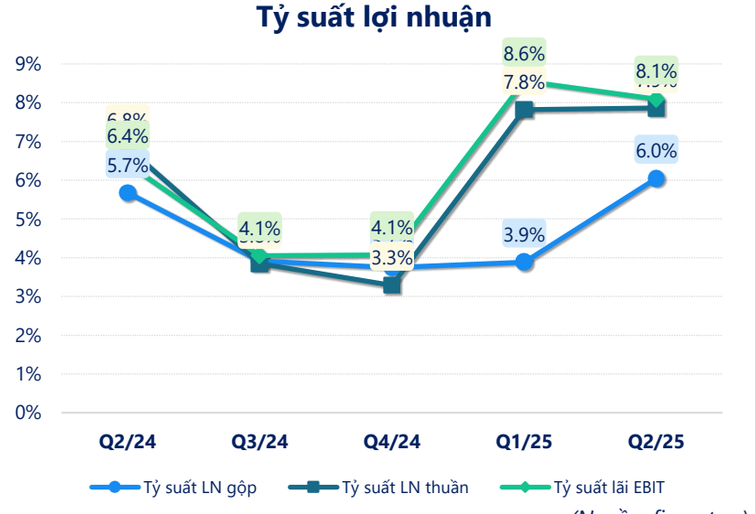
CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)

Kết quả kinh doanh



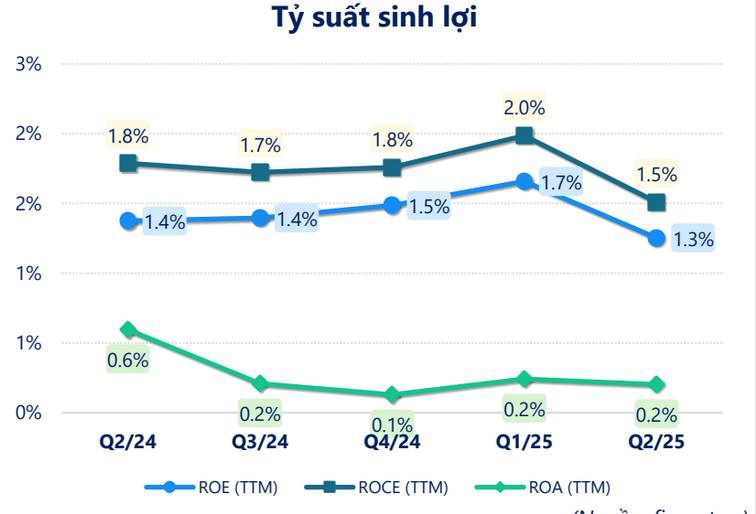
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



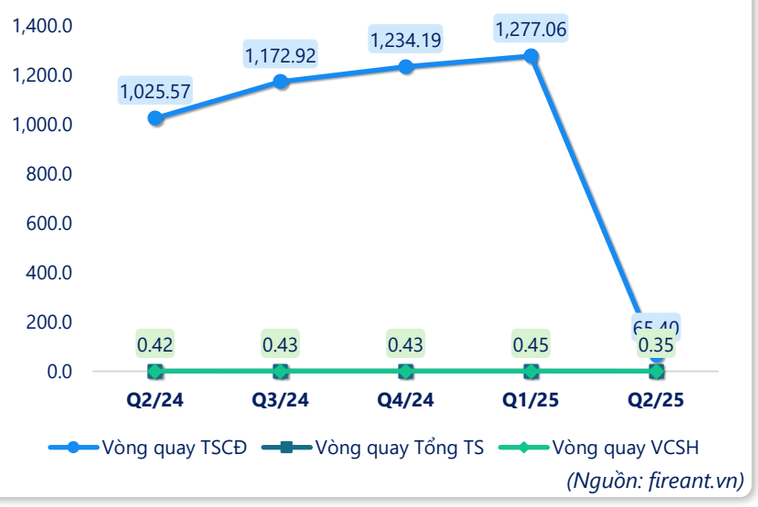
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



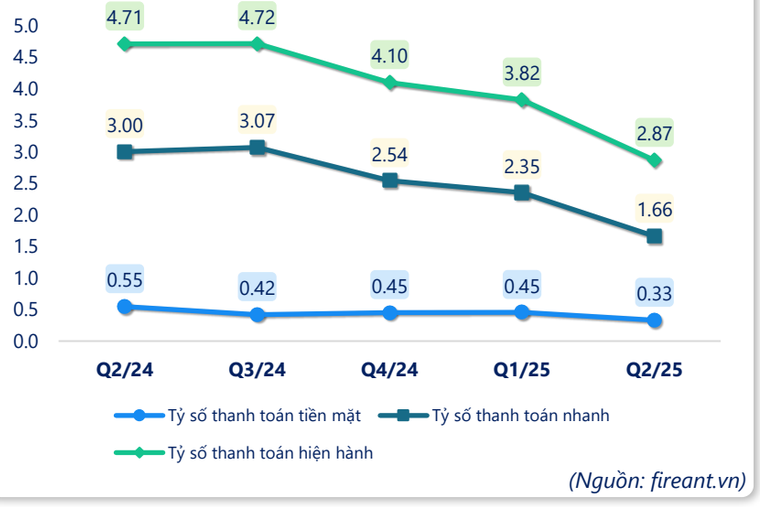
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



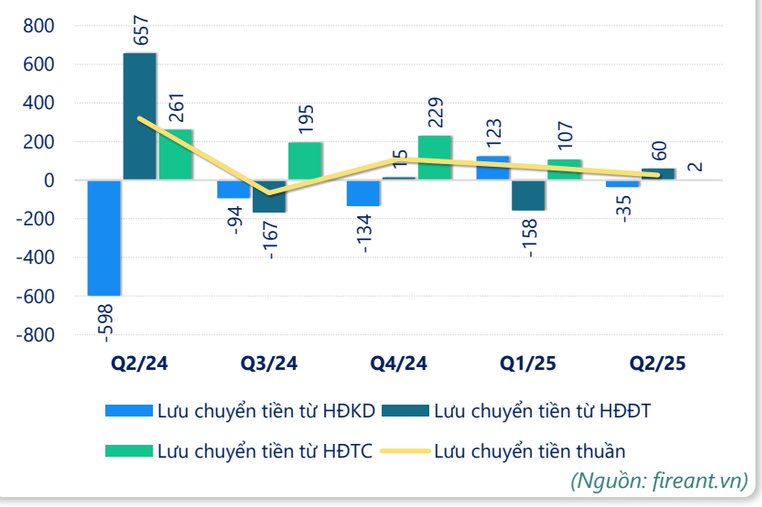
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,556**	**4,859**	**14.3%**
Tài sản ngắn hạn	4,881	4,228	15.5%
Tiền và tương đương tiền	563	464	21.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	225	201	11.9%
Phải thu ngắn hạn	2,007	2,021	-0.7%
Hàng tồn kho	2,049	1,525	34.4%
Tài sản ngắn hạn khác	36.6	16.5	122%
Tài sản dài hạn	**674**	**631**	**6.9%**
Phải thu dài hạn	1.66	66.0	-97.5%
Tài sản cố định	28.1	0.93	2905%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	7.90	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	460	460	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**185**	**96.4**	**92.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,722	2,046	33.1%
Nợ ngắn hạn	**1,703**	**1,041**	**63.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	221	127	74.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	411	221	85.9%
Nợ dài hạn	1,019	1,005	1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,019	1,005	1.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,833**	**2,813**	**0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**2,833**	**2,813**	**0.7%**
Vốn điều lệ	2,152	2,152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	486	332	230	192	195
Giá vốn hàng bán	459	319	221	184	184
Lợi nhuận gộp	27.6	13.0	8.62	7.45	11.8
Doanh thu HĐTC	11.7	5.16	4.53	12.7	9.34
Chi phí TC	2.00	1.96	1.86	1.93	2.00
Chi phí lãi vay	1.99	1.96	1.85	1.93	2.00
LN trong công ty LKLD	-0.25	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.09	0.69	0.72	0.67	0.50
Chi phí QLDN	2.73	2.72	3.01	2.53	3.29
LN thuần từ HĐKD	33.3	12.8	7.57	15.0	15.4
Lợi nhuận khác	-4.06	-1.29	-0.04	-0.52	-1.56
LN trước thuế	29.2	11.5	7.53	14.5	13.8
Lợi nhuận sau thuế	21.7	8.94	5.97	11.5	10.6
LNST của CĐ cty mẹ	20.7	8.21	5.50	10.9	9.85

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-598	-93.9	-134	123	-35.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	657	-167	14.8	-158	60.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	261	195	229	107	2.18
Tiền đầu kỳ	116	428	362	464	536
Lưu chuyển tiền thuần	**320**	**-65.9**	**110**	**72.2**	**27.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	428	362	471	536	563

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic